TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2019
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Đoàn Hồng Vân.

2- Ông Bùi Minh Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 134/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều N, sinh năm 1982 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn D, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L.A, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Lê Thị Kiều N: Luật sư Hoàng Quốc Việt, thực hiện quyền Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 nguyên đơn chị Lê Thị Kiều N trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều N và anh Huỳnh Văn D kết hôn với nhau vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 17/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do anh D có quan hệ với người đàn bà khác từ đó vợ chồng bất hòa dẫn đến cự cải nhau, đến ngày 14/3/2019 vợ chồng làm giấy tay tự thỏa thuận ly hôn và sau đó anh D đã bỏ nhà ra đi cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 02 đứa con tên Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 29/3/2003 và Huỳnh Thị Như H, sinh ngày 24/6/2011, từ khi ly thân cho đến nay chị N chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, cuộc sống của các cháu vẫn ổn định và bản thân chị cũng có đủ điều kiện nuôi con. Nay chị yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Kiều N thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Huỳnh Văn D Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của chị N.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Kiều N vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Huỳnh Văn D vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích cho nguyên đơn chị Lê Thị Kiều N trình bày quan điểm: Mặc dù, anh Huỳnh Văn D vắng mặt. Tuy nhiên, anh D cũng có ý kiến trong tờ thỏa thuận ngày 14/3/2019 là: Đồng ý ly hôn với chị N, đồng ý giao 02 đứa con cho chị N nuôi dưỡng. Do đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Mặc dù, chị N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết về tài sản. Nhưng xét, thấy hoàn cảnh chị N hiện nay thuộc diện hộ nghèo và phải nuôi 02 đứa và hiện nay chị N đang sử dụng căn nhà do cha mẹ chồng cho. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cần xử buộc anh Huỳnh Văn D cấp dưỡng nuôi con theo quy định và ghi nhận trong bản án căn nhà này thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị N.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kiều N xử cho chị Lê Thị Kiều N và anh Huỳnh Văn D được ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kiều N giao các cháu Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 29/3/2003 và cháu Huỳnh Thị Như H, sinh ngày 24/6/2011 (theo nguyện vọng của cháu T và cháu H) cho chị Lê Thị Kiều N chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Huỳnh Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Kiều N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Huỳnh Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Văn D.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều N và anh Huỳnh Văn D kết hôn với nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 138, ngày 17/7/2004 nên hôn nhân của chị N và anh D là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến ngày 14/3/2019 vợ chồng làm giấy tay tự thỏa thuận với nhau về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung. Từ đó, vợ chồng đã ly thân cho đến nay và anh D cũng không về thăm vợ con.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kiều N xử cho chị Lê Thị Kiều N và anh Huỳnh Văn D ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Lê Thị Kiều N và anh Huỳnh Văn D có 02 người con tên Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 29/3/2003 và cháu Huỳnh Thị Như H, sinh ngày 24/6/2011, chị N yêu cầu xin được nuôi hai đứa con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của chị N là có cơ sở. Bởi

vì, từ khi ly thân cho đến nay chị N chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu, cuộc sống của hai cháu vẫn ổn định và bản thân chị có đủ điều kiện để nuôi con, đồng thời cũng theo nguyện vọng của hai cháu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của chị N là giao cháu Huỳnh Thị Huyền T và cháu Huỳnh Thị Như H cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Kiều N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Kiều N phải chịu 300.000đ. Nhưng chị N có đơn xin miễn tiền án phí thuộc diện hộ nghèo nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ tiền án phí cho chị Lê Thị Kiều N.

Chị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo lai thu số 0001758 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Xét quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị Lê Thị Kiều N đề nghị nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận phần đề nghị xử cho chi Lê Thị Kiều N và anh Huỳnh Văn D ly hôn và giao 02 đứa con cho chị N nuôi dưỡng.

Không chấp nhận đề nghị xử buộc anh D cấp dưỡng nuôi con và đề nghị công nhận căn nhà cho chị N là không có căn. Bởi vì, nguyên đơn chị N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và theo đơn khởi kiện, cũng như tại phiên tòa hôm nay chị N thừa nhận là vợ chồng không có tài sản chung và cũng không yêu cầu Tòa giải quyết. Do đó, đề nghị của Luật sư là vượt quá yêu cầu khởi kiện, quyền yêu cầu của nguyên đơn.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kiều N xử cho chị Lê Thị Kiều N và anh Huỳnh Văn D được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kiều N là giao cháu Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 29/3/2003 và cháu Huỳnh Thị Như H, sinh ngày 24/6/2011 (theo nguyện vọng của cháu T và cháu H) cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị N và anh D có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Kiều N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Kiều N thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí nên chấp nhận miễn toàn bộ tiền án phí cho chị Lê Thị Kiều N.

Chị Lê Thị Kiều N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001758 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị N có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/7/2019). Đối với anh D vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Hưng Yên;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm